

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết S - sinh năm: 1976; trú tại: Tổ dân phố số 8, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phúc H - sinh năm: 1973; trú tại: Tổ dân phố số 8, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Nguyễn Phúc H.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Con chung Nguyễn Phúc Anh T - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2000 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Nguyễn Phúc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Tuyết S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phúc Nguyên K - sinh ngày 02 tháng 01 năm 2014 cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị S, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết và anh Nguyễn Phúc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết S tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003239 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN. Chị S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- UBND xã VT (Giấy chứng nhận kết hôn số 245, quyển số 01 ngày 24/12/1998).
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT; AV

**THẨM PHÁN**

**Bùi Vũ Tuyết Mỹ**